



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cảng An Giang

Ngày 31/12/2025	6,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.1%	-	-

DT thuần Q4/25
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/25
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/25
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025

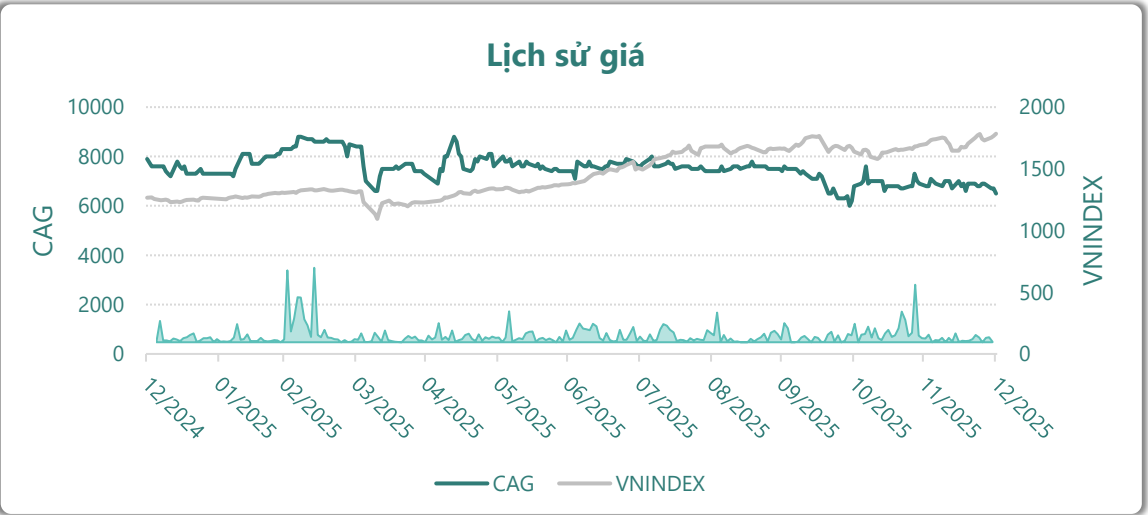
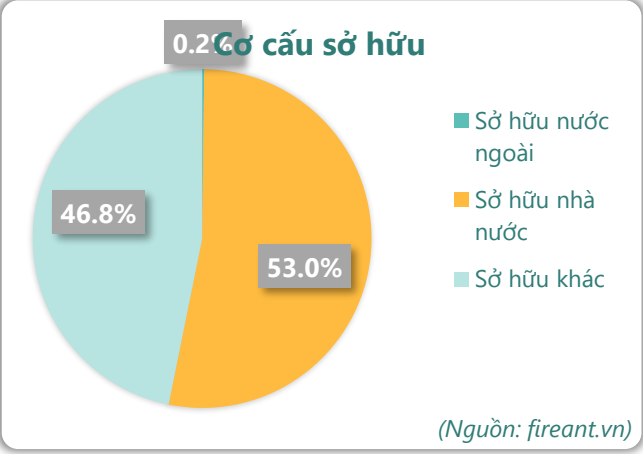
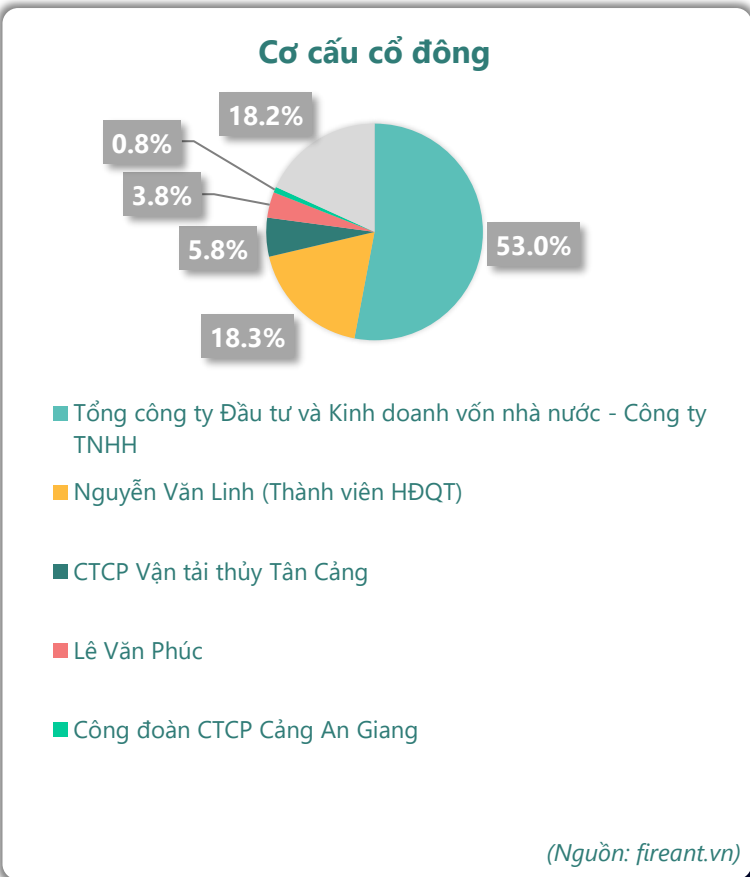
ROE 2025

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 8,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	90
Số lượng CPLH (CP)	13,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,330
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.41
EPS	
P/E	

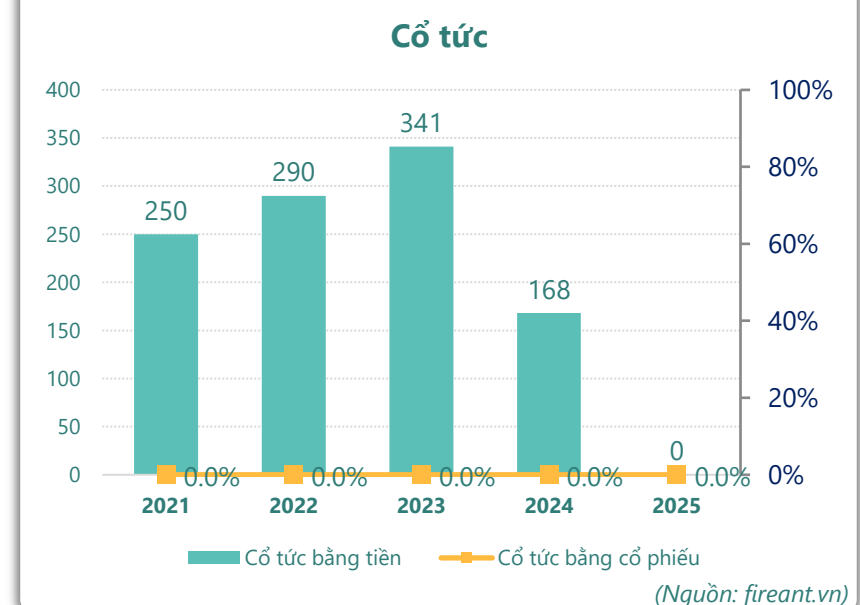
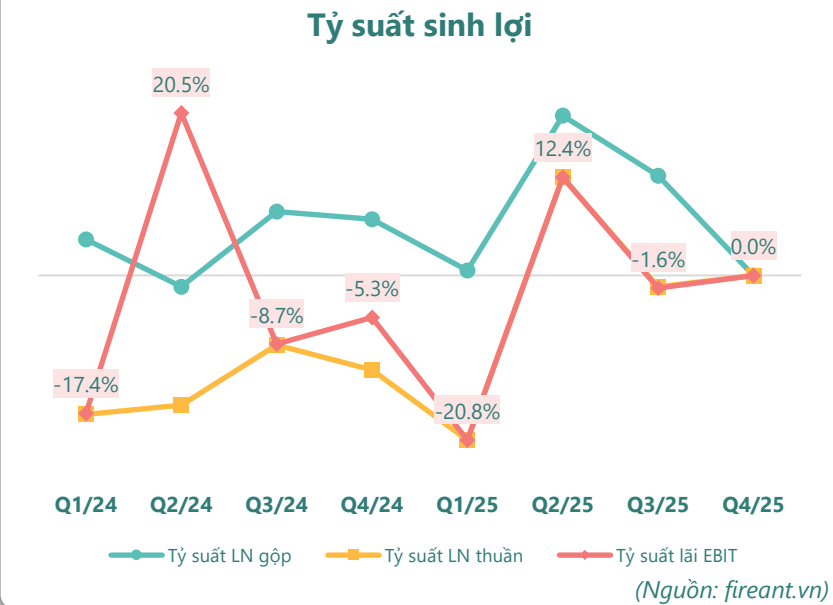
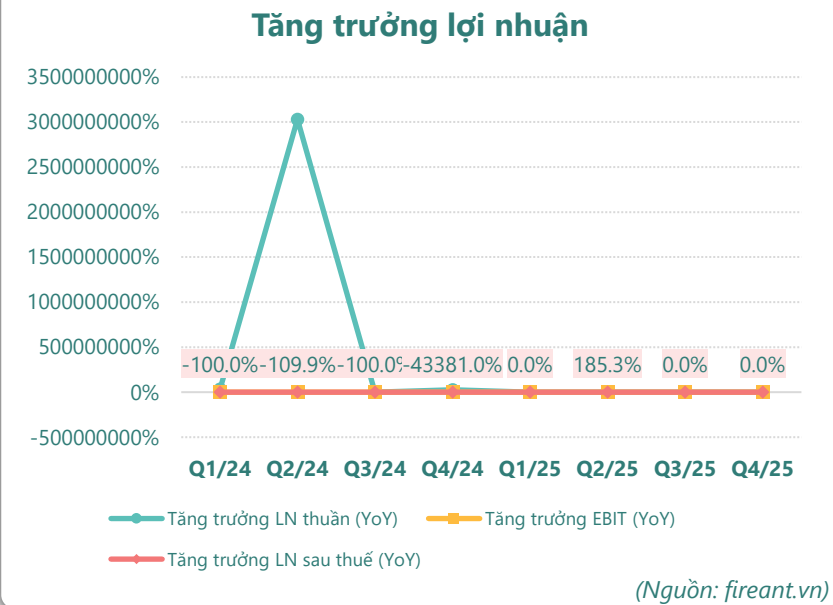
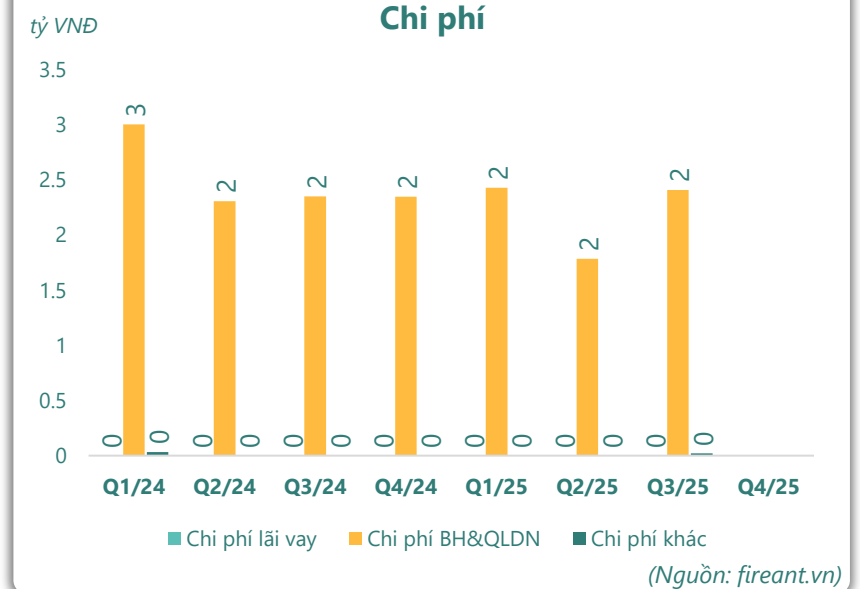
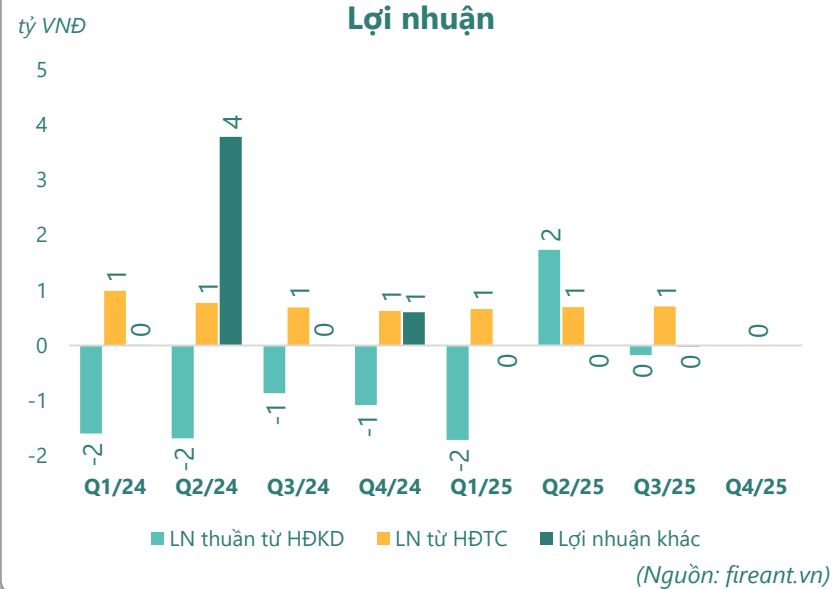
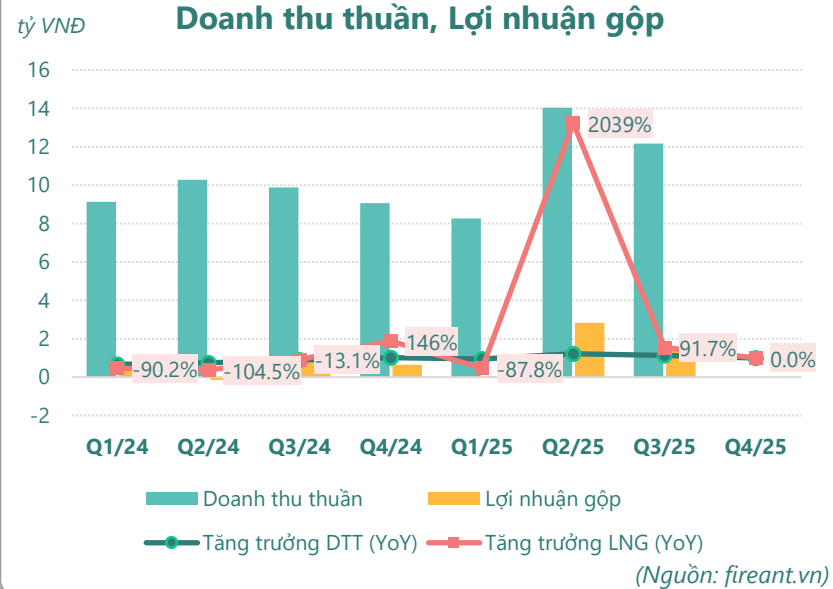
DT thuần 2025
tỷ VNĐ

LN thuần 2025
tỷ VNĐ

LN sau thuế 2025
tỷ VNĐ



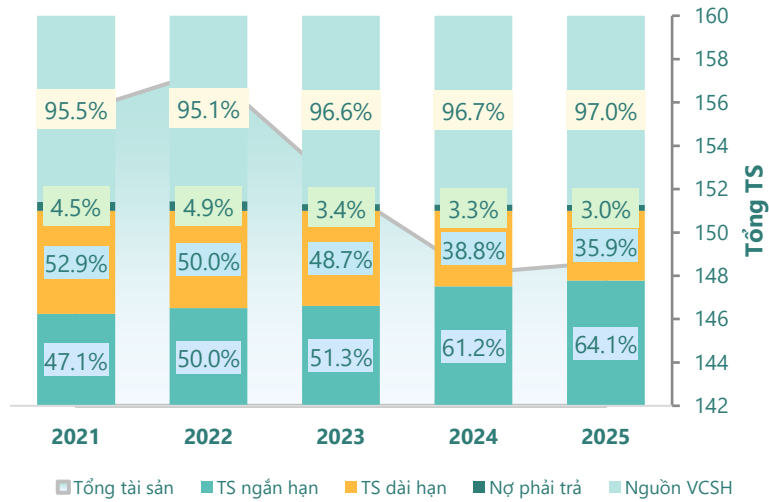
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

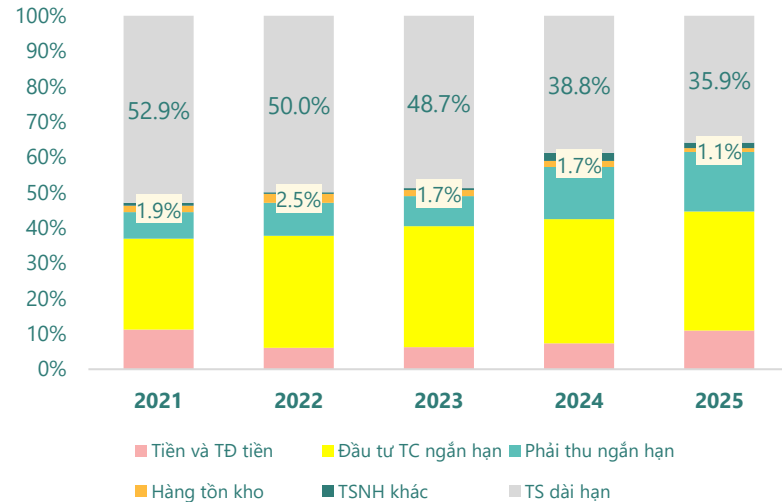
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

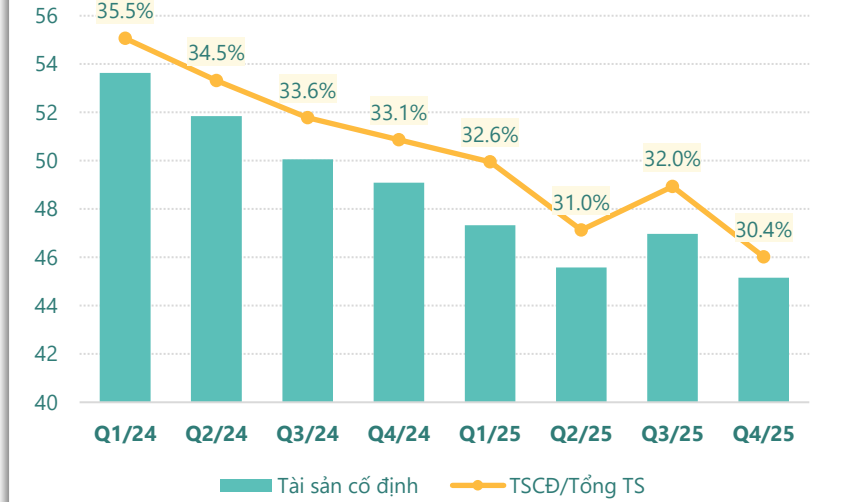
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

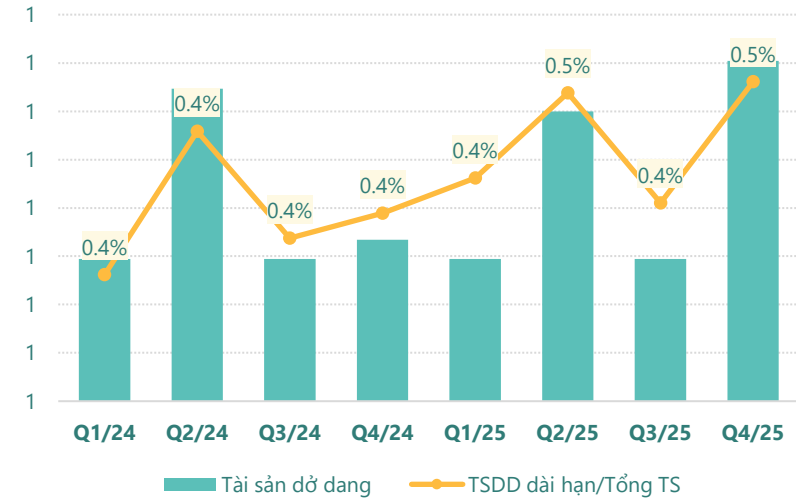
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

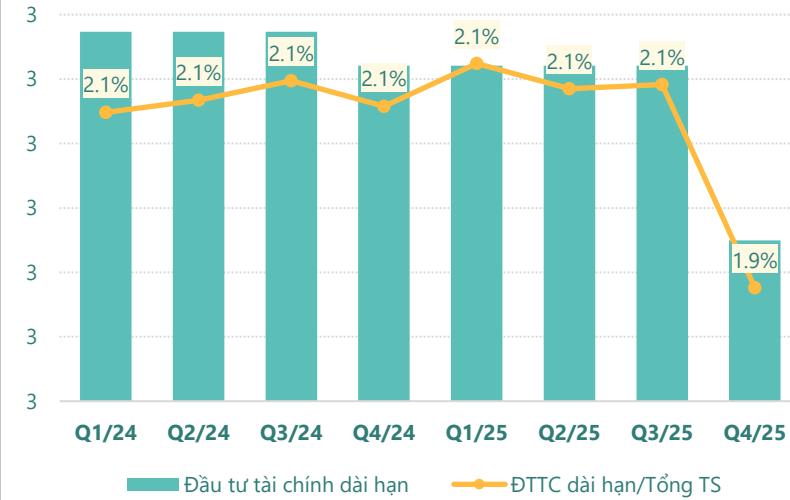
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

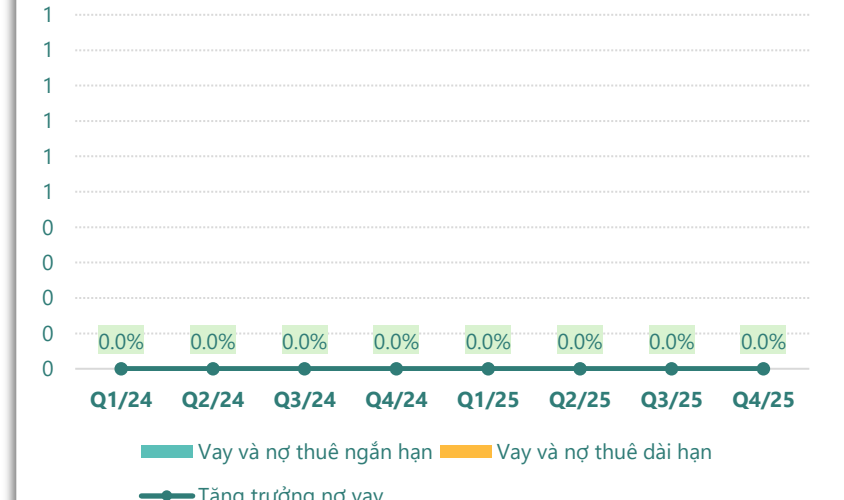
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

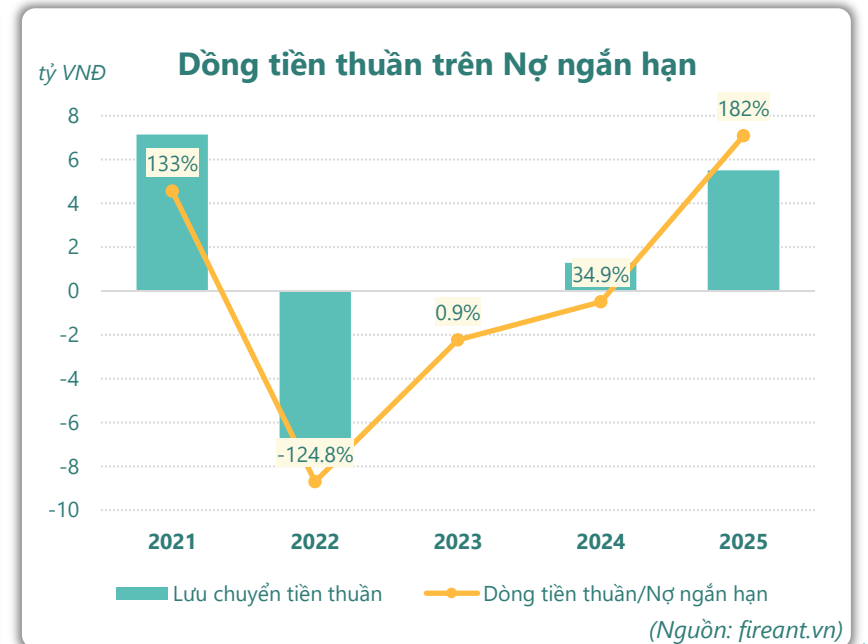
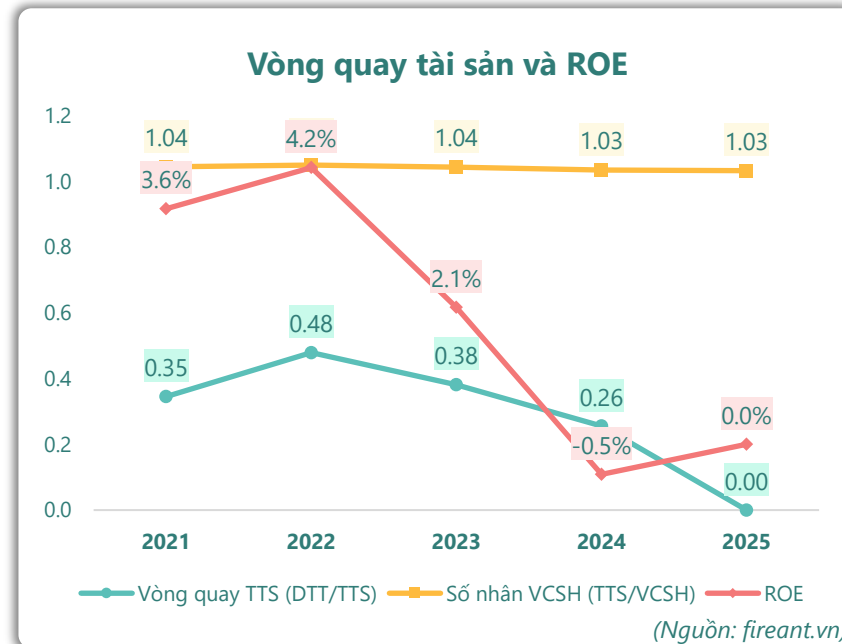
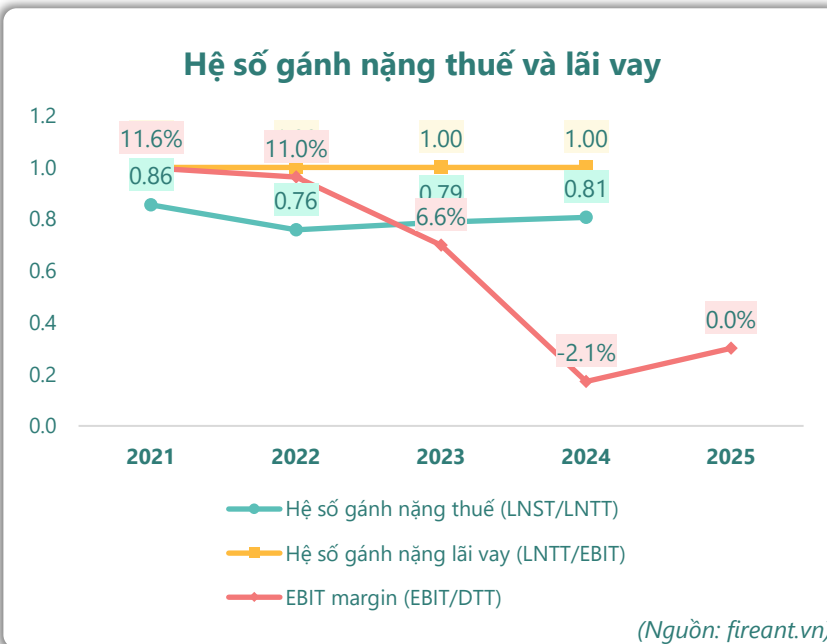
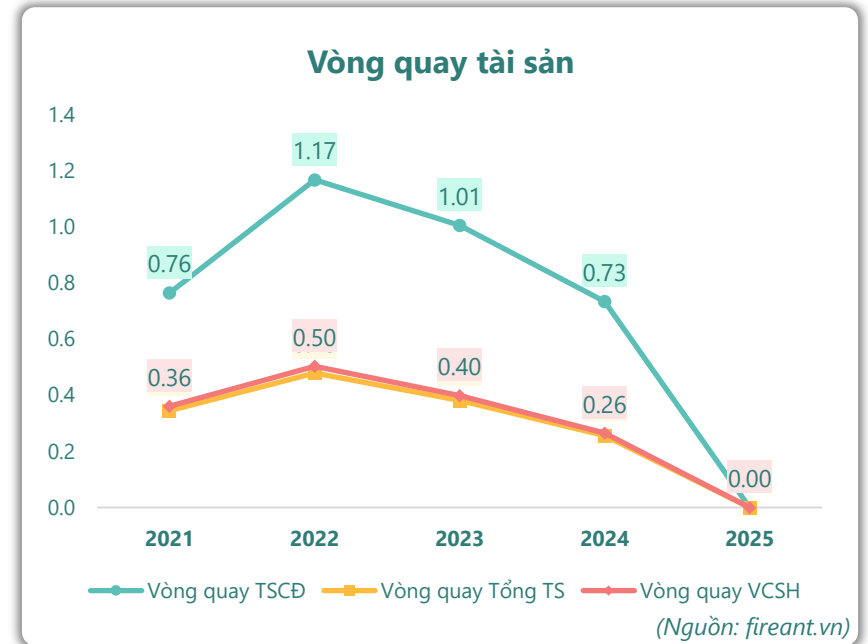
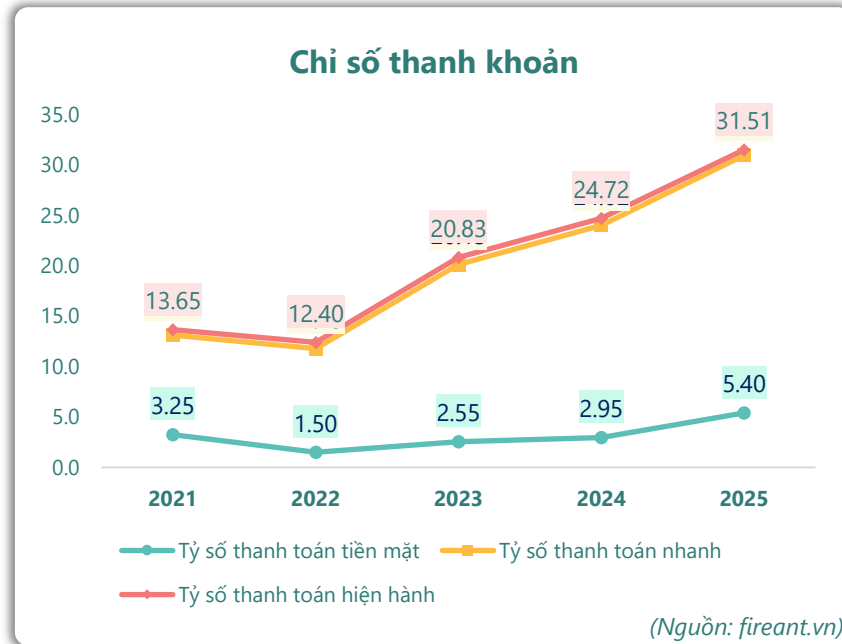
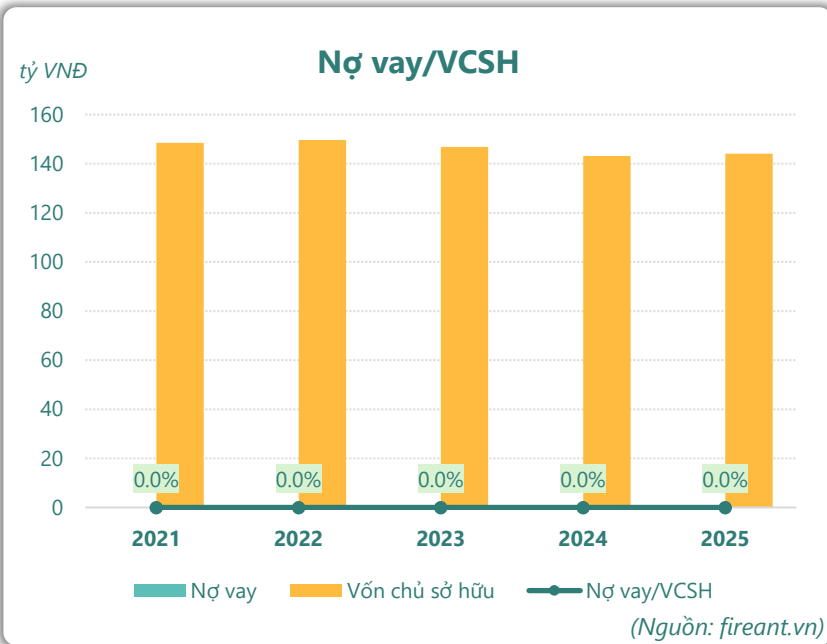
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần		9.08			38.4	
Giá vốn hàng bán		8.43			36.7	
Lợi nhuận gộp		0.64			1.71	
Doanh thu HĐTC		0.68			3.13	
Chi phí TC		0.05			0.05	
Chi phí lãi vay		0.00			0	
LN trong công ty LKLD		0.00			0	
Chi phí bán hàng		0.29			1.26	
Chi phí QLDN		2.05			8.75	
LN thuần từ HĐKD		-1.08			-5.23	
Lợi nhuận khác		0.60			4.41	
LN trước thuế		-0.48			-0.82	
Lợi nhuận sau thuế		-0.35			-0.66	
LNST của CĐ cty mẹ		-0.35			-0.66	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.12	4.31	-4.22	2.68	-0.37	5.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.55	0.00	0.01	2.09	0.04	-0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.28	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	6.21	6.79	10.8	6.62	11.4	11.1
Lưu chuyển tiền thuần	0.57	4.04	-4.21	4.77	-0.33	5.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	6.79	10.8	6.62	11.4	11.1	16.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	149	148	0.3%
Tài sản ngắn hạn	95.3	90.6	5.2%
Tiền và tương đương tiền	16.3	10.8	50.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	52.0	-3.8%
Phải thu ngắn hạn	25.0	21.9	13.9%
Hàng tồn kho	1.67	2.57	-35.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.32	3.30	-29.7%
Tài sản dài hạn	53.3	57.5	-7.3%
Phải thu dài hạn	0.53	0.53	0.0%
Tài sản cố định	45.2	49.1	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.68	0.64	5.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.85	3.12	-8.7%
Tài sản dài hạn khác	4.09	4.11	-0.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.52	4.90	-7.6%
Nợ ngắn hạn	3.02	3.67	-17.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.45	0.20	123%
Nợ dài hạn	1.50	1.23	22.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	144	143	0.6%
Vốn chủ sở hữu	144	143	0.6%
Vốn điều lệ	138	138	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

